

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC  
TRÀ VINH**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

0 ★ MSCA

PHƯỜNG 2

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1-2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-30

SRD  
TRÁC  
LFC  
C  
H/V

TRÁI  
LFC  
C  
H/V

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**  
Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công Ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**1. Công ty**

Công Ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Trà Vinh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Cấp Thoát Nước Trà Vinh theo Quyết định số 2248/QĐ.UBND ngày 22/12/2010 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Trà Vinh.

Trụ sở chính: số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh: Xí Nghiệp Xây Lắp; Xí nghiệp Thoát nước; Xí nghiệp Khai thác Nước ngầm; Xí nghiệp Cấp nước.

Các trạm bơm và cung cấp nước trực thuộc tại các huyện: Cầu Ngang, Mỹ Long, Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Quan, Cầu Kè, Mỹ Chánh.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt ở đô thị
- Khoan khai thác nước ngầm
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước
- Thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành
- Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh cấp A-B-C, theo chế độ: Ban đầu, định kỳ, bất thường

**2. Các thành viên của Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Nguyễn Như Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được đổi tên từ Công ty TNHH BDO Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

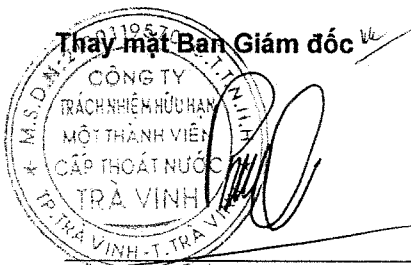

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Ông NGUYỄN NHƯ BÌNH**  
Giám đốc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số: 048ĐC/2013/CT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

**Kính gửi: Các thành viên Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 05 tháng 08 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

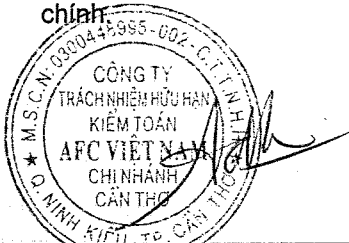
**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính này thay thế báo cáo kiểm toán số 048/2013/CT đã phát hành ngày 12 tháng 03 năm 2013 do Công ty ghi nhận thêm doanh thu công trình với số tiền là 73.839.715.VND để phù hợp với báo cáo thuế được trình bày tại mục 4.2, 4.14, 4.19 và 5.1 của thuyết minh báo cáo tài chính.



**TRẦN ĐẮC NHA**  
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2111-2013-009-1

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 05 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
 số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>105.224.288.314</b>	<b>106.941.179.813</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>99.037.777.745</b>	<b>99.897.060.139</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	89.577.418.617	85.903.314.611
Nguyên giá	222		125.740.713.026	114.902.977.373
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.163.294.409)	(28.999.662.762)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.859.009.010	918.515.533
Nguyên giá	228		2.077.943.968	1.062.388.468
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.934.958)	(143.872.935)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	7.601.350.118	13.075.229.995
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>300.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	-	300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.186.510.569</b>	<b>6.744.119.674</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	6.185.790.569	6.743.399.674
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		720.000	720.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>122.643.635.137</b>	<b>124.853.172.110</b>

30/12/2012  
 C  
 ACH  
 KH  
 PC  
 CH  
 C  
 KVL

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.026.941.797</b>	<b>19.095.609.142</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.685.201.902</b>	<b>12.109.731.047</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	2.368.542.300	2.115.000.000
Phải trả cho người bán	312	4.13	1.925.310.426	2.076.609.623
Người mua trả tiền trước	313		4.938.000	4.938.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	280.859.668	709.047.065
Phải trả công nhân viên	315		4.129.618.601	2.940.944.204
Chi phí phải trả	316	4.15	353.312.493	131.032.571
Phải trả nội bộ	317		-	413.097.116
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	1.573.640.929	1.750.073.887
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.17	48.979.485	1.968.988.581
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.341.739.895</b>	<b>6.985.878.095</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		239.400.000	210.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	4.18	4.092.430.974	6.156.030.048
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	609.939.126
Dự phòng phải trả dài hạn	337		9.908.921	9.908.921
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>107.616.693.340</b>	<b>105.757.562.968</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.19	<b>107.616.693.340</b>	<b>105.757.562.968</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		101.937.974.202	103.356.907.916
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.171.134.321	1.691.499.484
Quỹ dự phòng tài chính	418		708.646.548	693.268.315
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.783.051.016	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		15.887.253	15.887.253
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>122.643.635.137</b>	<b>124.853.172.110</b>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		191.932.838	168.745.663
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGUYỄN THỊ HIẾN

Kế toán trưởng



NGUYỄN NHƯ BÌNH

Giám đốc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

2-C  
HẠN  
AM



CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

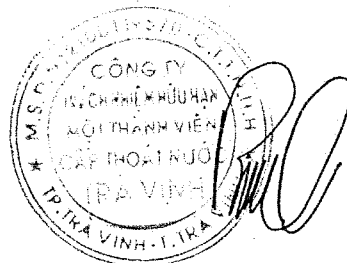
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	5.1	<b>50.347.457.601</b>	<b>42.498.172.360</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.344.000	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>50.345.113.601</b>	<b>42.498.172.360</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>32.713.956.425</b>	<b>27.905.598.235</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>17.631.157.176</b>	<b>14.592.574.125</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	78.597.083	96.627.554
Chi phí tài chính	22		533.356.397	101.778.441
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		533.356.397	101.778.441
Chi phí bán hàng	24		6.814.655.443	5.112.356.675
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.627.809.673	6.846.937.881
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.733.932.746</b>	<b>2.628.128.682</b>
Thu nhập khác	31	5.4	1.343.572.635	940.091.969
Chi phí khác	32	5.5	491.451.719	598.761.380
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>852.120.916</b>	<b>341.330.589</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.586.053.662</b>	<b>2.969.459.271</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	649.220.319	517.981.224
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.936.833.343</b>	<b>2.451.478.047</b>

NGUYỄN THỊ HIỀN

Kế toán trưởng



NGUYỄN NHƯ BÌNH

Giám đốc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

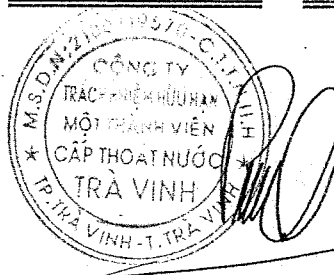
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.586.053.662	2.969.459.271
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.776.124.044	6.613.382.158
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(381.781.787)	(205.529.595)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	52.245.812	98.357.157
Chi phí lãi vay	06	533.356.397	101.778.441
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>11.565.998.128</b>	<b>9.577.447.432</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(97.390.318)	88.088.537
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	436.503.909	(1.009.657.481)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	971.176.219	(3.263.134.630)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	663.437.388	490.453.262
Tiền lãi vay đã trả	13	(533.356.397)	(772.626.816)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(935.029.066)	(343.094.228)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.578.778.353)	(437.102.892)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.492.561.510</b>	<b>4.338.373.184</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.268.135.519)	(1.810.623.332)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(332.448.124)	(210.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.027.748	25.940.063
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.529.555.895)</b>	<b>(1.994.683.269)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.676.196.114
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.115.000.000)	(1.271.140.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.115.000.000)</b>	<b>1.405.056.114</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(151.994.385)</b>	<b>3.748.746.029</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>5.303.511.013</b>	<b>1.554.764.984</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>5.151.516.628</b>	<b>5.303.511.013</b>

*Handwritten signature*

NGUYỄN THỊ HIẾN

Kế toán trưởng *Handwritten signature*



NGUYỄN NHƯ BÌNH

Giám đốc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công Ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Trà Vinh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Cấp Thoát Nước Trà Vinh theo Quyết định số 2248/QĐ.UBND ngày 22/12/2010 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Trà Vinh.

Trụ sở chính: số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh: Xí Nghiệp Xây Lắp; Xí nghiệp Thoát nước; Xí nghiệp Khai thác Nước ngầm; Xí nghiệp Cấp nước.

Các trạm bơm và cung cấp nước trực thuộc tại các huyện: Cầu Ngang, Mỹ Long, Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Quan, Cầu Kè, Mỹ Chánh.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt ở đô thị
- Khoan khai thác nước ngầm
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước
- Thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành
- Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh cấp A-B-C, theo chế độ: Ban đầu, định kỳ, bất thường

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 231 người, trong đó số viên chức quản lý là 3 người.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### 3.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

#### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

### Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50 năm
Máy móc thiết bị	06 – 12 năm
Phương tiện vận tải, Thiết bị truyền dẫn	05 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long (giếng 2), TT Cầu Ngang, H. Cầu Ngang ; Trạm bơm Mỹ Cẩm A, TT Cầu Ngang. Khóm Mỹ Cẩm A, H. Cầu Ngang ; Trạm nước TT Châu Thành. Khóm 3 TT Châu Thành, H. Châu Thành ; Trạm bơm tăng áp Đa Lộc. Khóm 3 TT Châu Thành H. Châu Thành ; Trạm cấp nước Trung tâm điện lực Duyên Hải. Giồng Giếng, Dân Thành, H. Duyên Hải ; Giếng khoan Khai thác số 1. Khóm 3, TT Cầu Quan, H. Tiểu Cần ; Xây dựng trạm bơm tăng áp cấp 2 Điện Biên Phủ, Khóm 3, Phường 6, TP Trà Vinh; Nhà máy nước sinh hoạt Cầu Kè. Khóm 4, TT Cầu Kè, H. Cầu Kè ; Trạm bơm Trà Cú. Khóm 4 TT Trà Cú. H Trà Cú ; Nhà máy nước sinh hoạt Cầu Quan. Khóm 1, TT Cầu Quan H. Tiểu Cần ; Xi nghiệp Quản lý cấp thoát nước. Khóm 4, Phường 1, TP Trà Vinh. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 60 năm và quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### 3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước là các chi phí công cụ dụng cụ của các năm trước và năm nay được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ. Chi phí lắp đặt ống nhánh, được phân bổ theo đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm, chi phí thay thế đồng hồ được phân bổ theo đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm. Các chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ theo giá trị xuất dùng, đối với công cụ dụng cụ có

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

giá trị từ trên 500.000 đồng đến dưới 100 triệu đồng thì được phân bổ 90%, giữ lại 10% cho đến khi có bảo hồng thì phân bổ hết vào chi phí; còn nếu trên 100 triệu đồng thì được phân bổ dần trong 3 năm. Đối với các chi phí trả trước dài hạn khác thì phân bổ cũng giống như công cụ dụng cụ.

### 3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.10 Tiền lương

Năm 2012 quỹ lương của người lao động trong Công ty được xác định trên đơn giá tiền lương là 299,580/ 1.000 đồng doanh thu thực hiện. Còn viên chức quản lý thì thực hiện theo tổng quỹ lương đã được Sở Lao động thương binh xã hội phê duyệt.

### 3.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### 3.12 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Năm 2012 Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
 Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	30.244.722	22.294.280
Tiền gửi ngân hàng - VND	5.121.271.906	5.281.216.733
	<b>5.151.516.628</b>	<b>5.303.511.013</b>

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	-	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	4.580.157.716	4.603.041.403
	<b>4.580.157.716</b>	<b>4.603.041.403</b>

**4.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	570.171.348	90.540.848
	<b>570.171.348</b>	<b>90.540.848</b>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền nộp vào tài khoản thanh tra	-	293.000.316
Công nợ chờ xử lý	88.884.352	313.274.046
Phải thu khác	299.244.736	159.138.720
	<b>388.129.088</b>	<b>765.413.082</b>

3004  
 TRÁCH  
 K  
 AFC  
 CH  
 C  
 3/ KH



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.642.393.211	7.078.897.120
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.118.082	1.118.082
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>6.643.511.293</b>	<b>7.080.015.202</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(239.956.245)	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>6.403.555.048</b>	<b>7.080.015.202</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	239.956.245	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>239.956.245</b>	<b>-</b>

### 4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.725.748	9.562.106
Tạm ứng công tác	5.833.500	27.579.255
	<b>19.559.248</b>	<b>37.141.361</b>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
Số 521B Đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Nguyên giá</i>					
Vào ngày 01/01/2012	21.638.476.426	25.681.939.631	65.845.820.577	1.736.740.739	114.902.977.373
Mua sắm tài sản cố định	45.355.619	2.444.583.166	675.843.590	43.545.454	3.209.327.829
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.079.361.551	1.081.133.713	6.758.303.252	294.298.415	10.213.096.931
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(48.884.647)	(439.250.187)	(172.569.100)	-	(660.703.934)
Giảm do điều chỉnh giá	(373.057.732)	(837.716.390)	(713.211.051)	-	(1.923.985.173)
Vào ngày 31/12/2012	23.341.251.217	27.930.689.933	72.394.187.268	2.074.584.608	<b>125.740.713.026</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Vào ngày 01/01/2012	4.332.441.896	5.414.553.933	18.362.559.563	890.107.370	28.999.662.762
Khấu hao trong năm	1.141.215.459	2.205.040.229	4.034.343.894	367.093.668	7.747.693.250
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(46.631.229)	-	-	(46.631.229)
Giảm do chỉnh giá	(11.081.222)	(384.510.741)	(141.838.411)	-	(537.430.374)
Vào ngày 31/12/2012	5.462.576.133	7.188.452.192	22.255.065.046	1.257.201.038	<b>36.163.294.409</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Vào ngày 01/01/2012	17.306.034.530	20.267.385.698	47.483.261.014	846.633.369	85.903.314.611
Vào ngày 31/12/2012	17.878.675.084	20.742.237.741	50.139.122.222	817.383.570	<b>89.577.418.617</b>

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2012 có các tài sản có nguyên giá 3.208.504.987 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (31/12/2011: 2.401.082.107 VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2012	952.089.975	110.298.493	1.062.388.468
Tăng trong năm	884.227.500	131.328.000	1.015.555.500
Giảm do thanh lý	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>1.836.317.475</u>	<u>241.626.493</u>	<u>2.077.943.968</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2012	56.919.606	86.953.329	143.872.935
Khấu hao trong năm	18.884.859	56.177.164	75.062.023
Giảm do thanh lý	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>75.804.465</u>	<u>143.130.493</u>	<u>218.934.958</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2012	895.170.369	23.345.164	918.515.533
Vào ngày 31/12/2012	<u>1.760.513.010</u>	<u>98.496.000</u>	<u>1.859.009.010</u>

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	13.075.229.995	9.520.859.920
Tăng trong năm	10.087.803.656	8.281.726.993
Giảm trong năm	15.561.683.533	4.727.356.918
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>7.601.350.118</u>	<u>13.075.229.995</u>

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án cải tạo giảm tỷ lệ thất thoát	6.454.567.648	4.732.829.995
Dự án Trung tâm điện lực Duyên Hải	-	6.666.092.830
Thi công tuyến ống PP Công ty Đầu tư khác	15.829.214	28.042.342
Xây dựng các công trình trạm Cầu Quan mới	-	1.407.412.917
Tuyến ống PE 63 ra Đền thờ Bác	-	183.791.911
Bể chứa 3000 m <sup>3</sup>	57.060.000	57.060.000
Tuyến ống PVC80, PE50 các đường Phạm Thái Bường, Lý Thường Kiệt, Bạch Đằng, Hùng Vương	239.316.206	-
Thay thế ống STK100 - Hẻm 87, Lý Thường Kiệt	43.958.611	-
Tuyến ống PVC D250=1200m, Nguyễn Đăng	790.618.439	-
	<u>7.601.350.118</u>	<u>13.075.229.995</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.10 Các khoản đầu tư tài chính

#### i. Đầu tư ngắn hạn:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Trên 3 tháng		542.448.124		210.000.000
		<u>542.448.124</u>		<u>210.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư		-		-
		<u>542.448.124</u>		<u>210.000.000</u>

#### ii. Đầu tư dài hạn:

##### Đầu tư dài hạn khác:

Thông tin chi tiết về đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ Bảo Lãnh Tín Dụng Trà Vinh	-	300.000.000
	<u>-</u>	<u>300.000.000</u>

### 4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lắp đặt ống nhánh	1.386.739.570	2.731.574.026
Thay thế đồng hồ	3.431.515.985	3.486.273.504
Phân bổ công cụ, dụng cụ	141.502.781	274.904.363
Chi phí sửa chữa	1.226.032.233	250.647.781
	<u>6.185.790.569</u>	<u>6.743.399.674</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.368.542.300	2.115.000.000
	<u>2.368.542.300</u>	<u>2.115.000.000</u>

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam – CN Trà Vinh	990.000.000	990.000.000
Ngân hàng VIETCOMBANK - CN Trà Vinh	1.378.542.300	1.125.000.000
	<u>2.368.542.300</u>	<u>2.115.000.000</u>

### 4.13 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba	1.925.310.426	2.076.609.623
	<u>1.925.310.426</u>	<u>2.076.609.623</u>

### 4.14 Thuế

*Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ*

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	105.828.283
	<u>-</u>	<u>105.828.283</u>

15/03/2013  
 CÔNG  
 CHỨC  
 KIỂM  
 SÁM  
 C  
 C  
 C  
 K/

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT	29.914.799	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	141.524.613	427.333.360
Thuế thu nhập cá nhân	3.642.100	21.352.767
Thuế tài nguyên	-	72.109.380
Tiền thuê đất	-	81.203.706
Thuế, phí, lệ phí khác	105.778.156	107.047.852
	<b>280.859.668</b>	<b>709.047.065</b>

### 4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước tiền thi công	288.469.273	69.743.027
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	19.843.220	38.789.544
Trích trước chi phí khác	45.000.000	22.500.000
	<b>353.312.493</b>	<b>131.032.571</b>

### 4.16 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng tồn kho thừa chờ giải quyết	4.502.827	1.008.978
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	165.122.320	245.066.696
Bảo hiểm y tế	-	665.856
Bảo hiểm thất nghiệp	-	169.511
Phải trả khác	1.404.015.782	1.503.162.846
	<b>1.573.640.929</b>	<b>1.750.073.887</b>

### 4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2012 VND	Hoàn nhập quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2012 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.846.047.160	(340.914.231)	(1.501.778.353)	3.354.576
Quỹ thưởng Ban điều hành	122.941.421	(316.512)	(77.000.000)	45.624.909
	<b>1.968.988.581</b>	<b>(341.230.743)</b>	<b>(1.578.778.353)</b>	<b>48.979.485</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn (a)	4.676.542.684	6.791.542.684
Nợ dài hạn (b)	1.784.430.590	1.479.487.364
	<u>6.460.973.274</u>	<u>8.271.030.048</u>
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(2.368.542.300)	(2.115.000.000)
	<u>4.092.430.974</u>	<u>6.156.030.048</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn còn số dư là như sau:

#### a) Vay dài hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam – CN Trà Vinh	(i)	3.298.000.384	4.288.000.384
Ngân hàng VIETCOMBANK - CN Trà Vinh	(ii)	1.378.542.300	2.503.542.300
		<u>4.676.542.684</u>	<u>6.791.542.684</u>

(i) Vay dài hạn Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam – chi nhánh Trà Vinh để đầu tư các hạng mục của dự án Đầu tư cải tạo - giảm tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước thị xã Trà Vinh với lãi suất 12%/năm, thời gian trả nợ là 5 năm và khoản vay này không cần tài sản đảm bảo.

(ii) Vay dài hạn Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương – Chi nhánh Trà Vinh để đầu tư dự án Nhà Máy Cấp nước Trung tâm Điện Lực Duyên Hải Trà Vinh với lãi suất 19%/năm, thời gian trả nợ là 2 năm và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

#### b) Chi tiết nợ dài hạn:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mượn vốn của Ban quản lý dự án Trà Cú	130.000.000	130.000.000
Tài sản của tổ chức GTZ cho Công ty (giá tạm tính)	728.932.475	361.497.840
Chi phí nước thải thu hộ Nhà Nước hưởng 10%	925.498.115	798.489.695
Phải trả dài hạn khác	-	189.499.829
	<u>1.784.430.590</u>	<u>1.479.487.364</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

	Vốn đầu tư	Vốn khác của	Quỹ đầu tư	Quỹ dự	Nguồn vốn	Lợi nhuận chưa	Cộng
	của CSH	chủ sở hữu	phát triển	phòng tài	đầu tư XDCB	phân phối	
	VND	VND	VND	chính	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	72.018.428.972	-	1.029.600.411	448.120.510	15.887.253	-	73.512.037.146
Tăng vốn trong năm	31.338.478.944	-	-	-	-	-	31.338.478.944
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.451.478.047	2.451.478.047
Phân bổ vào các quỹ	-	-	661.899.073	245.147.805	-	(907.046.878)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.544.431.169)	(1.544.431.169)
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.356.907.916	-	1.691.499.484	693.268.315	15.887.253	-	105.757.562.968
Giảm vốn trong năm	(1.418.933.714)	-	-	-	-	-	(1.418.933.714)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.936.833.343	2.936.833.343
Phân bổ vào các quỹ	-	-	479.634.837	15.378.233	-	(495.013.070)	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	341.230.743	341.230.743
Số dư tại ngày 31/12/2012	<b>101.937.974.202</b>	-	<b>2.171.134.321</b>	<b>708.646.548</b>	<b>15.887.253</b>	<b>2.783.051.016</b>	<b>107.616.693.340</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	41.783.748.821	34.256.724.592
Doanh thu thoát nước vỉa hè	5.208.995.353	5.092.913.991
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	144.065.946	95.156.337
Doanh thu xây lắp	2.996.148.802	2.901.875.323
Doanh thu kiểm định đồng hồ nước	45.357.273	37.240.545
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.141.406	114.261.572
	<b>50.347.457.601</b>	<b>42.498.172.360</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.344.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>50.345.113.601</b>	<b>42.498.172.360</b>

Năm 2012, bao gồm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 điều chỉnh tăng doanh thu thoát nước vỉa hè 8.889.053 đồng.

#### 5.2 Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	26.040.677.895	23.325.154.963
Giá vốn thoát nước vỉa hè	3.857.331.597	2.529.728.272
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	118.630.415	84.090.955
Giá vốn xây lắp	2.570.412.568	2.097.891.009
Giá vốn kiểm định đồng hồ nước	2.052.273	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	77.263.693	59.927.946
Giá vốn khác	(192.368.261)	850.670
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng	239.956.245	(192.045.580)
	<b>32.713.956.425</b>	<b>27.905.598.235</b>

Năm 2012, bao gồm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 điều chỉnh giảm giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy 40.550.000 đồng và điều chỉnh giảm giá vốn khác 83.718.191 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	71.027.748	48.979.925
Thu lợi nhuận được chia	-	25.940.063
Thu nhập tài chính khác	7.569.335	21.707.566
	<b>78.597.083</b>	<b>96.627.554</b>

### 5.4 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	175.220.410
Thu từ bán vật tư	64.709.498	187.858.802
Thu từ bán phế liệu	-	489.661.238
Thu nhập khác	1.278.863.137	87.351.519
	<b>1.343.572.635</b>	<b>940.091.969</b>

Năm 2012, bao gồm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 điều chỉnh tăng thu nhập khác 157.896.075 đồng.

### 5.5 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Vật tư thiếu	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	123.273.560	299.517.630
Giá trị vật tư	-	73.706.400
Chi phí khác	368.178.159	225.537.350
	<b>491.451.719</b>	<b>598.761.380</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau :

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.586.053.662	2.969.459.271
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán:		
<i>Tăng do chi phí không được trừ</i>	119.967.143	16.373.500
<i>Giảm do lợi nhuận được chia</i>	-	(25.940.063)
Tổng thu nhập chịu thuế	3.706.020.805	2.959.892.708
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN dự tính phải nộp	926.505.201	739.973.177
Giảm thuế 30% thuế TNDN	(277.284.882)	(221.991.953)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>649.220.319</b>	<b>517.981.224</b>

Năm 2012, bao gồm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 33.428.588 đồng.

### 5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.822.814.944	11.514.861.842
Chi phí nhân công	10.393.090.715	9.950.895.070
Chi phí khấu hao	7.772.613.815	6.601.735.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.023.460.175	1.535.512.087
Chi phí khác	13.144.441.892	10.261.888.605
	<b>47.156.421.541</b>	<b>39.864.892.791</b>

Năm 2012, bao gồm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 điều chỉnh tăng chi phí thuế đất 103.842.404 đồng.

## 6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.151.516.628	5.303.511.013
Đầu tư tài chính	542.448.124	510.000.000
Phải thu	4.732.096.427	5.062.263.042
Tài sản khác	720.000	720.000
	<b>10.426.781.179</b>	<b>10.876.494.055</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	6.460.973.274	8.271.030.048
Phải trả người bán	1.925.310.426	2.076.609.623
Phải trả khác	1.643.415.782	2.126.259.962
Chi phí phải trả	363.221.414	140.941.492
	<b>10.392.920.896</b>	<b>12.614.841.125</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

---

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Số 521B đường Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	2.368.542.300	4.092.430.974	6.460.973.274
Phải trả người bán	1.925.310.426	-	1.925.310.426
Phải trả khác	1.404.015.782	239.400.000	1.643.415.782
Chi phí phải trả	363.221.414	-	363.221.414
	<b>6.061.089.922</b>	<b>4.331.830.974</b>	<b>10.392.920.896</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	2.115.000.000	6.156.030.048	8.271.030.048
Phải trả người bán	2.076.609.623	-	2.076.609.623
Phải trả khác	1.916.259.962	210.000.000	2.126.259.962
Chi phí phải trả	140.941.492	-	140.941.492
	<b>6.248.811.077</b>	<b>6.366.030.048</b>	<b>12.614.841.125</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 Năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.151.516.628		5.151.516.628
Đầu tư tài chính	542.448.124	-	542.448.124
Phải thu	4.732.096.427	-	4.732.096.427
Tài sản khác	-	720.000	720.000
	<b>10.426.061.179</b>	<b>720.000</b>	<b>10.426.781.179</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.303.511.013		5.303.511.013
Đầu tư tài chính	210.000.000	300.000.000	510.000.000
Phải thu	5.062.263.042	-	5.062.263.042
Tài sản khác	-	720.000	720.000
	<b>10.575.774.055</b>	<b>300.720.000</b>	<b>10.876.494.055</b>

**Tài sản đảm bảo**

Tài sản thế chấp tại ngân hàng dùng để đảm bảo các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay.





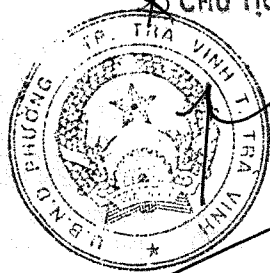
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 434..... Quyển: 7.....

Ngày 7..... tháng 2..... năm 2016.

TM. UBND PHƯỜNG 2

CHỦ TỊCH



*Hứa Phước Đại*

**ĐÃ THU LÊ PHÍ**